

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC
VIETBAC UNIVERSITY**



**KẾ HOẠCH
TRUNG HẠN PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC
Giai đoạn 2016 - 2020**

**(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-ĐHVB ngày 17/02/2016 của
Trường Đại học Việt Bắc)**

Thái Nguyên, tháng 02 năm 2016

KẾ HOẠCH TRUNG HẠN PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

1.1. Thông tin chung về Trường Đại học Việt Bắc

1.1.1. Tên trường

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Việt Bắc.
- Tên tiếng Anh: Vietbac University.

1.1.2. Địa chỉ và thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Xã Đồng Bầm - Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên;
- Website: WWW.vietbac.edu.vn
- Số điện thoại: (0208) 3755 878 - Fax: (0208) 3522 025

1.1.3. Cơ quan quản lý:

Trường Đại học Việt Bắc chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của trường đại học do Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của pháp luật.

1.2. Vai trò và vị trí của Kế hoạch trung hạn phát triển Trường Đại học Việt Bắc

Ngày nay, Việt Nam ngày càng coi trọng giáo dục – đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hệ thống các trường đại học, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển nền kinh tế tri thức. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định “*Giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu*”¹ để sáng tạo ra hệ thống giá trị hiện đại, mới mẻ làm nguồn lực thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2013, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế đã xác định: “*Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo ... mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp... có cơ chế khuyến khích các tổ chức quản lý quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ Việt Nam. Tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế*”². Những chỉ dẫn quan trọng này của Đảng là cơ sở thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Trong các văn kiện trình Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và làm rõ hơn lập trường, quan điểm, tính nhất quán về sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Kế thừa quan điểm chỉ đạo của nhiệm kỳ trước, Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là một kế sách, quốc sách hàng đầu, tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, khẳng định triết lý nhân sinh mới của nền giáo dục nước nhà “dạy người, dạy chữ, dạy nghề”.

Trường Đại học Việt Bắc là một trường đại học tự thực phi lợi nhuận, nằm tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm văn hoá - kinh tế - xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc, xác định vai trò và nhiệm vụ của mình góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du miền núi phía Bắc.

Để đáp ứng được nhiệm vụ nêu trên, Trường Đại học Việt Bắc đã và đang phấn đấu xây dựng và phát triển trở thành một trung tâm đào tạo đại học - sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc, phấn đấu trở thành một trường đại học có uy tín trong cả nước và trong khu vực ASEAN.

Để hoàn thành được mục tiêu và nhiệm vụ trên, Trường Đại học Việt Bắc xây dựng kế hoạch để từng bước xây dựng và phát triển Nhà trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng phát triển giáo dục đại học của Việt Nam, đồng thời phù hợp với đặc điểm và khả năng riêng của Nhà trường trong giai đoạn hiện tại.

Năm 2013, Trường Đại học Việt Bắc đã xây dựng "***Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030***"

Sau 3 năm thực hiện, Nhà trường đã tổ chức đánh giá lại Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 để điều chỉnh phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Trường trong hoàn cảnh mới của Đất nước.

Đồng thời, nhằm cụ thể hoá nội dung của Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã xây dựng "***Kế hoạch trung hạn phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2016-2020***" để phù hợp với thực tiễn khách quan, tình hình phát triển đất nước, đặc biệt phù hợp với yêu cầu mới của ngành Giáo dục đại học.

1.3. Hệ thống văn bản, cơ sở pháp lý để xây dựng Kế hoạch trung hạn phát triển Trường Đại học Việt Bắc, giai đoạn 2016 – 2020.

Kế hoạch trung hạn được xây dựng trên những căn cứ và cơ sở pháp lý sau:

- Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Chỉ thị số 296/CT-TT ngày 27/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012.

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

- Nghị quyết số 05/NQ-BCSD ngày 06/01/2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ GD&ĐT về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ các trường đại học;

- Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010;

- Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng Việt Nam giai đoạn 2001- 2010;

- Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010”;

- Đề án thành lập trường Đại học Việt Bắc và Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc; (Tổng hợp tìm minh chứng)

- Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể xây dựng Trường Đại học Việt Bắc.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Việt Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HDQT ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 (ban hành năm 2013).

- Biên bản Hội nghị tổng kết kết quả rà soát, bổ sung ý kiến đóng góp về "sứ mạng" và "tầm nhìn" trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐH Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

2.1. Bối cảnh chung của Đất nước trong tình hình quốc tế và khu vực

- Cuộc cách mạng Khoa học công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế tri thức, đặc biệt Thế giới đang đứng trước cuộc Cách mạng Khoa học - Công nghệ 4.0.

- Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh để bảo vệ quyền lợi quốc gia. Cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia, đòi hỏi phải đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động, đồng thời đặt ra yêu cầu mới cho các trường đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực lao động có trình độ cao. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cho đất nước và tạo cơ hội học tập cho mỗi người dân.

- Trong tình hình hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng đứng trước những thách thức không nhỏ, của sự cạnh tranh mang tính chất toàn cầu. Tuy nhiên đến nay, sau khi hòa nhập với nền kinh tế quốc tế, kinh tế Việt Nam đang có những khởi sắc đáng mừng.

- Việt Nam đang thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế hòa nhập và toàn cầu hóa để đạt được mục tiêu đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại mang đặc trưng của nền kinh tế tri thức. Điều đó đòi hỏi ngày càng cao về nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ. Đây là điều kiện thuận lợi để các trường đại học phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Đến năm 2020 sẽ có thêm các trường đại học và cao đẳng tư thục, đại học quốc tế ra đời theo chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo đại học trong nước và đại học nước ngoài tại Việt Nam, sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo kinh tế trong nước và trên địa bàn đòi hỏi các trường đại học phải thực sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả đào tạo

Là một trong những trường đại học cung cấp nguồn nhân lực về khoa học kỹ thuật cho các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, Trường Đại học Việt Bắc đang đứng trước những cơ hội to lớn, song đồng thời cũng đang đứng trước những thử thách không nhỏ.

III. THỰC TRẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1. Thực trạng của Trường ĐH Việt Bắc năm 2016

2.2.1. Về cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất của trường có 390.805 m² (Trong đó có 2 ha đất cho khu công nghệ cao của Trường).

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường (bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại; thư viện, trung tâm học liệu; phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng): 11.121 m². Một nhà ký túc xá cho SV 5 tầng (30 phòng), tổng diện tích 2.396 m².

Bảng 2.1. Thống kê các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng phục vụ	Diện tích phòng (m ²)
1	Phòng thực hành Vật lý	1	TH thí nghiệm Vật lý	GV và SV	75
2	Phòng thực hành Hóa học 1	1	TH thí nghiệm Hóa học	GV và SV	127
3	Phòng thực hành Hóa học 2	1	TH thí nghiệm Hóa học	GV và SV	173
4	Phòng thực hành Tin học	1	Thực hành Tin học	GV và SV	127
5	Xưởng thực tập Cơ khí	1	Thực hành Cơ khí	GV và SV	1.900
6	Xưởng thực tập Điện	1	Thực hành Điện-Điện tử	GV và SV	1.100
	Tổng diện tích (m²)				3.502

Bảng 2.2. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Tổng số	CEA xác nhận	Diện tích phòng (m ²)	CEA xác nhận	SH
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0		0		0
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2		173		173
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	6		127		127
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2		39		39
5	Số phòng học đa phương tiện	4		127		127
6	Số thư viện	1		300		300
7	Số trung tâm học liệu liên kết với Đại học Thái Nguyên	1				
	Tổng diện tích (m²)			1.994		1.994

- Thư viện

Ngay khi lập các đề án mở ngành đào tạo, Nhà trường đã đầu tư thư viện có 2 phòng, diện tích 300 m².

- Tổng diện tích thư viện: 300 m²

- Số phòng đọc: 02; Số chỗ ngồi : 100.

- Số đầu sách, giáo trình: 5.000 ; Số cuốn: 15.000;

- Phòng Thư viện điện tử: 1; số lượng máy tính phục vụ: 40.

Ngoài sách trên giá của Thư viện trường Đại học Việt Bắc, Thư viện điện tử Đại học Việt Bắc có đầy đủ các sách và tài liệu tham khảo, chuyên khảo phục vụ cho tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường.

Trường Đại học Việt Bắc nằm kề với Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Việt Bắc và Đại học Thái Nguyên đã ký kết văn bản trong việc sử dụng và khai thác dữ liệu của Trung tâm học liệu, Đại học Thái Nguyên; ký kết Hợp đồng sử dụng, khai thác sách và dữ liệu học liệu với Trung tâm Học liệu của Đại học Thái Nguyên (Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên được tổ chức NGO tài trợ với mục đích là Trung tâm học liệu cho tất cả các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên). Theo các văn bản hợp tác này, giáo viên và sinh viên của Trường Đại học Việt Bắc đều có thể thư viện của Trung tâm học liệu ĐH Thái Nguyên để sử dụng và khai thác các tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình và các học liệu điện tử như sinh viên của Đại học Thái Nguyên.

Bảng 2.3. Thống kê về thư viện

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Số phòng đọc	2	
2	Số chỗ ngồi đọc	200	
3	Số máy tính của thư viện	30	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí	3000	
5	Trường có một "Thư viện điện tử Đại học Việt Bắc"	1	
6	Số thư viện điện tử liên kết với Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên	1	

2.2.2. Tổ chức và cán bộ

Cơ cấu tổ chức Nhà trường được kiện toàn theo từng năm:

Do mới được thành lập, bộ máy tổ chức và quản lý thay đổi và dần dần được hoàn thiện theo nhu cầu phát triển của Nhà trường. Bộ máy tổ chức và quản lý của Trường được trình bày trong bảng 2.4.

Bảng 2.4. Bộ máy tổ chức và quản lý Trường năm 2016

TT	KHỐI ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Hội đồng quản trị	Đại hội đồng cổ đông: Gồm 07 người	
2	Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị: gồm 07 người - Chủ tịch: ThS. Lê Minh Thái - Phó chủ tịch: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình	
3	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình Hiệu phó: ThS. Lê Minh Thái Hiệu phó: PGS.TS. Tô Văn Bình	
4	Hội đồng Khoa học - Đào tạo	Chủ tịch Hội đồng: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình; Phó chủ tịch hội đồng: PGS.TS. Tô Văn Bình	
5	Các phòng, ban, trung tâm	1. Phòng Đào tạo - NCKH - HTQT	
		2. Phòng Công tác HSSV	Thành lập 2014
		3. Phòng Tổng hợp (Hành chính - Tổ chức - Quản trị)	
		4. Phòng Kế hoạch - Tài chính	
		5. Phòng Thanh tra - Khảo thí - ĐBCL GD	Thành lập tháng 2/2016
		6. Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội	Thành lập 2014
		7. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác QT	Thành lập 2015
6	Khối các khoa	1. Khoa Cơ bản	
		2. Khoa Cơ khí	
		3. Khoa Điện - Điện tử - CNTT	
		4. Khoa Kinh tế	
7	Các tổ chức đoàn thể	1. Chi bộ Đảng	
		2. Công đoàn	
		3. Đoàn Thanh niên	

Ngoài các đơn vị sự nghiệp và chuyên môn, nhà trường thành lập các Hội đồng tư vấn: Hội đồng Thi đua- khen thưởng và TCCB;

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đều đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu theo Quy định của Điều lệ trường đại học do Chính phủ ban hành và phần lớn đều nguyên là cán bộ lãnh đạo quản lý đã có kinh nghiệm trên 20 năm làm quản lý và giảng dạy.

2.2.3. Về Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Hiện tại nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên gồm 120 người, trong đó giáo viên là 101 người (gồm 2 GS, 9 PGS, 9 tiến sĩ, 80 thạc sĩ, 4 ĐH và 3 giảng viên đang nghiên cứu sinh, học cao học tại các cơ sở đào tạo trong

và ngoài nước); 20 nhân viên có trình độ ĐH trở lên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm. Ngoài ra còn có đội ngũ đội ngũ giảng viên thỉnh giảng với chức danh giáo sư, phó giáo sư, có trình độ tiến sĩ từ các trường đại học khác.

2.2.4. Về đào tạo

- **Bậc đào tạo:** Trường Đại học Việt Bắc đào tạo bậc đại học, cao đẳng.
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy, vừa làm vừa học, liên thông.
- **Ngành nghề đào tạo:** Đến năm 2016, Trường vẫn chưa mở thêm ngành đào tạo mới nào. Hiện tại, Trường vẫn đang đào tạo 6 ngành, gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Kế toán, Quản trị kinh doanh.

2.2.5. Quy mô tuyển sinh và đào tạo

- Đến nay, Trường Đại học Việt Bắc đã tuyển sinh khoá thứ 4 và đang đào tạo gần 100 SV các hệ đào tạo.

2.2.6. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Nhà trường gồm 6 ngành và chuyên ngành mang tính liên thông cao đã được các Hội đồng đánh giá nghiệm thu của Đại học Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo uỷ quyền) đánh giá. Tính liên thông dọc và liên thông ngang của các chương trình đào tạo cao, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học hai chương trình đồng thời, học lại, học cải thiện điểm đáp ứng yêu cầu mềm dẻo của quá trình đào tạo.

Tính liên thông dọc của các chương trình đào tạo giúp cho người học có thể học liên thông trực tiếp từ cao đẳng lên đại học với hình thức tích lũy thêm các tín chỉ còn thiếu của chương trình đào tạo.

2.2.8. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tuy mới được thành lập, nhưng Trường Đại học Việt Bắc đã có đội ngũ cán bộ giảng dạy có học hàm học vị cao, có kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học và đã từng tham gia và làm chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, tỉnh và cấp cơ sở.

Tuy là một trường đại học tư thục mới được thành lập, Trường Đại học Việt Bắc cũng đã rất chú trọng đến công tác nghiên cứu khoa học và cội đây là một trong 2 nhiệm vụ trọng tâm của Trường và đã đạt được một số thành công trong nghiên cứu khoa học với 25 đề tài NCKH các cấp đã được nghiệm thu và 37 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Đặc biệt có nhiều đề tài và dự án NCKH - Chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trong nước.

2.2.9. Công tác hợp tác quốc tế

Trường Đại học Việt Bắc đã có cố gắng trong công tác quan hệ quốc tế và đã đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trường đang có quan hệ về đào tạo và NCKH với trường Đại học Bắc Malaysia (Nouthern Malaysia), Trường Đại học Califocnia, Mỹ (Califocnia University); đặc biệt Trường đang có quan hệ hợp tác với Trung tâm Giao lưu Văn hoá Hữu nghị Việt - Hàn, Hàn Quốc để tiến tới thành lập khoa Ngoại ngữ, trong đó có giảng dạy ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

2.2.10. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng

Để thực hiện kiểm định chất lượng trường đại học, Nhà trường cần có kế hoạch ngay từ bây giờ để có thể xây dựng Nhà trường phát triển toàn diện theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí chất lượng trường đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngay từ khi có Quyết định thành lập, Nhà trường đã thành lập tổ Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục thuộc Phòng Đào tạo - NCKH – QHQT- KT, ĐBCLGD. Đến năm tháng 2 năm 2016, Trường ĐH Việt Bắc đã thành lập Phong Thanh tra - Khảo thí - Bảo đảm chất lượng giáo dục.

Từ khi thành lập phòng TT - KT - ĐB CLGD, hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo càng được Nhà trường chú ý hơn và đặt ra nhiệm vụ phải thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo vào năm 2017.

2.2.11. Công tác Kế hoạch - Tài chính

Trường Đại học Việt Bắc là một trường đại học tư thục. Công tác kế hoạch tài chính được thực hiện theo pháp luật và các quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám hiệu nhà trường. Công tác kế hoạch tài chính hoạt động tốt và luôn luôn đảm bảo cho Nhà trường hoạt động ổn định và phát triển theo các kế hoạch về phát triển trường đã xây dựng.

Tính đến thời điểm năm 2016, Nhà trường đã tăng vốn pháp định từ 55 tỷ đồng (năm 2013) đến 135 tỷ đồng năm 2016.

2.2.12. Các công tác khác

- ***Công tác Đảng:*** Ngay từ khi mới có Quyết định của Chính phủ phê duyệt Đề án tiền khả thi xây dựng Trường Đại học Việt Bắc và thành lập Ban quản lý xây dựng Trường Đại học Việt Bắc, Nhà trường đã thành lập Chi bộ Đảng gồm 13 đảng viên. Hiện nay chi bộ Đảng gồm 22 đảng viên. Chi bộ Đảng thực sự là chỗ dựa và chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Nhà trường.

- ***Công đoàn:*** Công đoàn trường cũng được thành lập cùng với Chi bộ Đảng Nhà trường. Hiện nay, Công đoàn trường có 25 công đoàn viên và hoạt động đều đặn, có tác dụng đoàn kết cán bộ nhân viên thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

- **Đoàn Thanh niên:** Đoàn Thanh niên Trường được thành lập năm 2012 với số đoàn viên hiện tại là 140 đoàn viên. Ban chấp hành đoàn lâm thời đã được thành lập ngay từ năm 2011.

Đến năm 2016 Đoàn thanh niên đã có hơn 500 đoàn viên và Đoàn đã tổ chức Đại hội lần thứ nhất năm 2013; Đại hội lần thứ 2 dự kiến tổ chức vào năm 2017.

Phong trào đoàn thực sự trở thành nguồn động viên cho cán bộ, giáo viên và sinh viên trong công tác và trong học tập

2.2. Đánh giá chung

2.2.1. Điểm mạnh và cơ hội

- Trường có Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhất trí đồng lòng xây dựng Trường Đại học Việt Bắc thành một trường đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Do vậy, các tổ chức này của Nhà trường đều đoàn kết và là chỗ dựa vững chắc cho Nhà trường xây dựng và phát triển.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên của nhà trường có trình độ chuyên môn, học hàm học vị cao và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý đào tạo. Đội ngũ giảng viên của nhà trường tích cực, sáng tạo trong công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, qua đó góp phần dần dần khẳng định thương hiệu của nhà trường;

- Cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ thuận lợi cho công tác đào tạo và phù hợp với xu thế phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ vào đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao;

- Nhà Trường có diện tích đất đủ cho việc đầu tư và phát triển Trường trong thời gian gần và định hướng chiến lược phát triển cho tương lai.

- Thái Nguyên là tỉnh trung tâm của khu vực và miền núi phía Bắc đang trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, do đó nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc lĩnh vực hoạt động của nhà trường ngày càng lớn, đây là cơ hội để mở rộng phát triển đào tạo cả về chất lượng và số lượng.

- Các chính sách của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các trường đại học ngoài công lập phát triển đồng thời đang dần dần tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các trường đại học công lập và ngoài công lập.

- Công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư vào Thái Nguyên và các tỉnh trong khu vực ngày càng nhiều, điều đó làm cho chất lượng nền kinh tế được nâng cao, các nhà tuyển dụng có xu hướng coi trọng về chất lượng nguồn nhân lực, đây là cơ hội để nhà

trường phần đầu trở thành trung tâm đào tạo có uy tín trong cả nước thông qua việc cung cấp các sản phẩm đào tạo có chất lượng.

2.2.2. Tồn tại và thách thức

- Do Trường mới thành lập, cơ sở vật chất hiện tại đang ở mức đủ phục vụ đào tạo trong giai đoạn đầu đi vào hoạt động; Trường vẫn còn phải liên kết với một số đơn vị để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.

- Khả năng về sử dụng ngoại ngữ của SV ra trường và của cán bộ GV còn hạn chế.

- Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục vừa tạo cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức khi cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục ngày càng khốc liệt;

- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu lao động nghề và lao động phổ thông tăng cao đã làm giảm nguồn tuyển sinh cho đào tạo bậc đại học nói chung và nhà trường nói riêng;

- Đối tượng tuyển sinh chủ yếu khu vực trung du và miền núi phía Bắc, trình độ dân trí thấp, điểm chuẩn của thí sinh cũng thấp nhất là các diện ưu tiên, diện chính sách và hình thức cử tuyển.

- Mặc dù Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, các chính sách ưu tiên cho phát triển các trường tư thục còn chưa được nhiều và hiện nay chưa tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các trường công lập và tư thục.

III. KẾ HOẠCH TRUNG HẠN PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

3.1. Mục tiêu

3.1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Đại học Việt Bắc thành một trường đại học định hướng ứng dụng có uy tín cao trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc và trong cả nước vào năm 2030.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Trong giai đoạn 2016 - 2020 xây dựng Trường trở thành một trường đại học định hướng thực hành với uy tín với chất lượng đào tạo cao;

b. Xây dựng môi trường đào tạo thân thiện, lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến chất lượng đào tạo; xây dựng và phát huy các mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nhất là cộng đồng doanh nghiệp làm nền tảng cho hình thức đào tạo lý thuyết kết hợp với thực tiễn;

c. Đảm bảo kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học (bao gồm cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ) sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, từng bước đáp ứng được nhu cầu trong hội nhập lao động thuộc khu vực ASEAN và quốc tế;

d. Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, làm nền tảng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của nhà trường;

e. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, cập nhật được kiến thức tiên tiến trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của Sự nghiệp Công nghiệp hoá và Hiện đại hoá đất nước;

f. Xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong bối cảnh nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hội nhập quốc tế;

g. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy tinh thần đại đoàn kết trong nhà trường, huy động sự tham gia chủ động, tích cực của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ phục vụ đào tạo và sự phát triển chung của nhà trường;

h. Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước; tăng đồng đều quy mô các nguồn thu của trường từ học phí, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tế sản xuất, tiến tới cân bằng thu chi và có lãi, nhưng vẫn định hướng phi lợi nhuận để có tiềm năng về tài chính xây dựng Trường phát triển nhanh và hiện đại;

i. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị trong trường, xây dựng môi trường làm việc, học tập dân chủ, kỷ cương, văn minh, hiện đại thu hút được các chuyên gia trong nước và quốc tế.

3.2. Kế hoạch phát triển

3.2.1. Kế hoạch phát triển đào tạo

3.2.1.1. Mục tiêu phát triển đào tạo

a. Tăng quy mô tuyển sinh ở tất cả các ngành và các hệ đào tạo một cách hợp lý đồng thời với nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Đến năm 2020:

- Hệ Đại học: 3.000 SV;
- Hệ Thạc sĩ: 100 SV;
- Hệ Tiến sĩ: 4 NCS.

b. Mở rộng ngành nghề đào tạo và bậc đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ;

+ Đến năm 2020:

- Hệ đại học: 10 ngành (mở thêm 4 ngành, cụ thể: mở thêm 2 ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Hàn Quốc vào đầu năm 2018; mở thêm ngành Điều dưỡng vào cuối năm 2018; mở thêm ngành Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hoá năm 2019)

- Hệ Thạc sĩ: 6 ngành (cụ thể: mở 2 ngành đào tạo Kế toán và Quản trị kinh doanh ở bậc Thạc sĩ vào đầu năm 2018; mở 4 ngành gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin, Truyền thông-Mạng máy tính ở bậc ThS vào năm 2020).

- Hệ Tiến sĩ: 2 ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh .

c. Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo

- Các chương trình đào tạo của 6 ngành đã được mở ngành đào tạo và những ngành mới được mở phải thường xuyên cập nhật và điều chỉnh 2 - 3 năm một lần có khảo sát thực tế xã hội và lấy ý kiến các doanh nghiệp và các nhà sản xuất, sử dụng lao động. Điều chỉnh linh hoạt các chương trình đào tạo hiện có theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội. Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực ASEAN, trong đó chú trọng cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trình độ tin học và ngoại ngữ. Mỗi khoa chuyên môn xác định 01 chuyên ngành mũi nhọn để xây dựng thành chương trình đào tạo chất lượng cao; chú trọng nhập khẩu các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài

- Xây dựng chương trình đào tạo: Các chương trình đào tạo phải có kế hoạch xây dựng phù hợp với kế hoạch mở ngành đào tạo. Cụ thể:

+ Xây dựng CTĐT và mở ngành 2 ngành ngôn ngữ (Ngôn ngữ Hàn Quốc và Ngôn ngữ Anh) vào đầu năm 2018;

+ Xây dựng chương trình đào tạo và mở ngành đào tạo Dược và Điều dưỡng vào cuối năm 2018;

+ Xây dựng chương trình đào tạo và mở ngành đào tạo Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hoá vào năm 2019;

+ Từ năm 2020 tùy theo nhu cầu xã hội và định hướng tiếp theo của Nhà trường làm căn cứ mở ngành.

d. Đổi mới phương pháp dạy và học

- Bồi dưỡng cho giảng viên phương pháp giảng dạy mới theo phương châm " lấy học sinh làm trung tâm"; tăng cường đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động;

- Hướng dẫn SV phương pháp học tập mới "tự học, sáng tạo" để SV có phương pháp học tập trong Nhà trường và sau này tiếp tục học tập ở môi trường mới.

e. Quản lý đào tạo

Tăng cường công tác quản lý đào tạo một cách khoa học, hệ thống; áp dụng các phần mềm về quản lý đào tạo, quản lý sinh viên một cách hiệu quả và tốt nhất.

3.2.1.2. Các giải pháp phát triển đào tạo

a. Kiên quyết chỉ đạo các khoa thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy và học. Trang bị thêm các phương tiện và cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học theo phương pháp mới.

b. Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giáo viên.

c. Đưa tin học và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ truyền thông vào giảng dạy và quản lý đào tạo cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

d. Tăng về số lượng và nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên và đội ngũ quản lý đào tạo, đến năm 2020 giữ tỷ lệ SV/1GV là 20 và tỷ lệ giảng viên có trình độ TS, PGS, GS là 35%; đến năm 2020 tuyển chọn thêm và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ cao để đủ điều kiện mở các ngành theo kế hoạch đã đề ra.

e. Duy trì hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học làm việc thường xuyên để đến năm 2017 thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục Trường lần 1.

f. Mở rộng thư viện điện tử để phục vụ giảng dạy và học tập.

g. Nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các nhà tuyển dụng định kỳ rà soát, đánh giá lại và đổi mới các chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy ... để xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận định hướng nghề nghiệp theo nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- Đổi mới nội dung giảng dạy các môn học thuộc các chương trình đào tạo hiện có theo hướng giảm khối lượng giờ giảng lý thuyết, tăng lượng kiến thức thực hành, thực tập. Kết hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội để đưa phần thực hành thực tập vào quá trình giảng dạy của nhà trường.

3.2.2. Kế hoạch phát triển công tác NCKH - CGCN và Hợp tác quốc tế

3.2.2.1. Các mục tiêu

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là công cụ để Nhà trường nâng cao vị thế và thương hiệu trong tương lai. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phải hướng đến tính ứng dụng và hiệu quả. Các chỉ tiêu về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong giai đoạn thực hiện chiến lược cụ thể sau:

a. Nâng cao số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học; mở rộng các loại hình nghiên cứu, ưu tiên các nghiên cứu có yếu tố chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả vào trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 triển khai 60 đề tài NCKH cấp cơ sở, 2 đề tài cấp tỉnh và cấp bộ;

b. Chú trọng đến công tác NCKH của SV; phấn đấu đến năm 2020 có 10 đề tài NCKH của SV;

c. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và công bố các công trình nghiên cứu khoa học trên các hội nghị khoa học, các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Phấn đấu hàng năm công bố được bình quân 10 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế;

d. Tìm kiếm các nguồn kinh phí trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đến năm 2020 triển khai được ít nhất 02 dự án nghiên cứu khoa học được áp dụng vào thực tế sản xuất;

e. Khai thác khả năng liên kết quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường đại học trong nước, các nước trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế. Thu hút các nguồn vốn đầu tư, tài trợ về học bổng, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất.

3.2.2.2. Các giải pháp

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Từng bước tăng cường quản lý công tác khoa học – công nghệ của nhà trường theo hướng đặt hàng có sản phẩm đầu ra rõ ràng. Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài trường, trong nước và quốc tế. Nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học, chú trọng những sản phẩm nghiên cứu chuyển giao cho các đối tác, để từ đó xây dựng thương hiệu nghiên cứu khoa học của nhà trường.

- Định kỳ và thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học, các hội thảo chuyên đề, tổ chức các buổi thuyết giảng của các chuyên gia hàng đầu của nhà

trường về lĩnh vực thuộc chương trình nghiên cứu của họ. Gắn nội dung sinh hoạt chuyên môn của giảng viên trẻ, của sinh viên và học viên cao học với các buổi thuyết giảng của chuyên gia.

- Đầu tư kinh phí cho công tác NCKH hàng năm ít nhất không dưới 3% mức thu học phí;

- Phát triển hệ thống thư viện trong trường. Ngoài thư có sẵn hiện nay, sẽ xây dựng thêm một thư viện điện tử mới và phát triển mạng lưới thông tin thư viện, chuẩn hoá các hoạt động thư viện và trợ giúp tối đa người học được tiếp cận tới các thư viện và trung tâm học liệu lớn trong và ngoài nước;

- Thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu đáp ứng nhiệm vụ được giao, đặc biệt là chương trình bồi dưỡng cán bộ trẻ, chuyên sâu, cán bộ đầu ngành của trường. Đồng thời, nâng cao một bước đáng kể trình độ NCKH của đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh quốc tế ở tất cả các hệ do nhà trường cấp bằng; xây dựng và thực hiện các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cả đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ưu tiên hợp tác đào tạo với các đối tác ở các nước có trình độ giáo dục đại học tiên tiến.

- Tìm kiếm đối tác để xây dựng chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên; phân đấu hàng năm đều cử giảng viên, sinh viên của Nhà trường đi học tập, tham quan tại nước ngoài và tiếp nhận sinh viên quốc tế đến thực tập tại trường

3.2.3. Kế hoạch về tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên

3.2.3.1. Các mục tiêu

Xây dựng cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, khoa học; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, mang tầm chiến lược sẽ là cơ sở để Nhà trường phát triển nhanh chóng và bền vững, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng. Mục tiêu chiến lược về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ, cụ thể như sau:

- Thành lập các đơn vị phòng, khoa, viện, trung tâm đáp ứng nhu cầu quản lý, phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất và trách nhiệm của nhà giáo, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục.

Bảng 3.1. Bộ máy tổ chức và quản lý Trường năm 2020

TT	KHỐI ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Hội đồng quản trị	Đại hội đồng cổ đông: Gồm 11 người	
2	Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị: gồm 7 người - Chủ tịch: ThS. Lê Minh Thái - Phó chủ tịch: GS.TS Nguyễn Đăng Bình	
3	Ban kiểm soát	Ban kiểm soát: Gồm 3 người Trưởng ban: Phạm Ngọc Thành	
4	Hội đồng Khoa học - Giáo dục	Chủ tịch: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình; Phó chủ tịch: GS.TS Tô Văn Bình.	TL năm 2014
5	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình Hiệu phó: PGS.TS. Tô Văn Bình Hiệu phó: ThS. Lê Minh Thái	
6	Khối phòng, ban, trung tâm	1. Phòng Đào tạo	
		2. Phòng Công tác HSSV	
		3. Phòng Hành chính - Tổ chức	
		4. Phòng Kế hoạch - Tài chính	
		5. Phòng Quản trị - Phục vụ	TL năm 2019
		6. Phòng NCKH - QHQT	TL năm 2018
		6. Trung tâm Đào tạo - Hợp tác quốc tế	
		7. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	
		8. Phòng Thanh tra - Khảo thí - ĐBCLGD	
		9. Trung tâm Đào tạo và hợp tác quốc tế	
		10. Trung tâm ĐT theo nhu cầu xã hội	
	11. Trung tâm Thí nghiệm - Thực tập	TL năm 2018	
7	Khối các khoa	1. Khoa Cơ bản	
		2. Khoa Cơ khí	
		3. Khoa Điện - Điện tử	
		4. Khoa Kinh tế	
		5. Khoa Công nghệ thông tin	TL năm 2020
		6. Khoa Y - Dược	TL năm 2018
		7. Khoa Ngoại ngữ	TL năm 2017
8	Các tổ chức đoàn thể	1. Chi bộ Đảng	
		2. Công đoàn	
		3. Đoàn Thanh niên	

3.2.3.2. Giải pháp

a. Xây dựng Kế hoạch và kế hoạch thực hiện mục tiêu cho từng năm.

b. Hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng nguồn nhân lực hiện có. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân.

c. Xây dựng và hoàn thiện một số quy định về tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sàng lọc đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên. Thực hiện chính sách thu hút nhân tài, ưu tiên tuyển dụng người có trình độ cao, có học hàm học vị cao từ nhiều nguồn để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy và cán bộ quản lý.

d. Xây dựng chế độ đãi ngộ, thù lao theo năng lực và kết quả công việc nhằm nâng cao thu nhập và động viên đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tận tâm với nhiệm vụ được giao. Quy hoạch lại công tác đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên phù hợp với phát triển các ngành đào tạo của nhà trường, hướng đến xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên cử giảng viên trẻ đi học tập và nghiên cứu tại nước ngoài, cử đi đào tạo nâng cao trình độ về ngoại ngữ, công bố các công trình nghiên cứu khoa học, tham dự các chương trình tập huấn, hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu.

e. Xây dựng Kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên, nâng cao tinh thần tự học, sáng tạo của sinh viên để nâng cao chất lượng đào tạo

f. Thành lập Hội đồng Khoa học Giáo dục và từng bước thành lập các đơn vị mới đáp ứng với quy mô đào tạo, ngành nghề được mở rộng và đội ngũ cán bộ, giảng viên tăng.

g. Đổi mới công tác quản lý nhà trường, xây dựng các quy chế hoạt động, quy trình quản lý, xây dựng văn hóa nhà trường, văn hóa chất lượng, văn hóa chuyên nghiệp trong mọi mặt hoạt động, từ đó tạo dựng được môi trường giáo dục thân thiện với người học và với chính đội ngũ cán bộ giảng viên nhà trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý của nhà trường.

3.2.4. Kế hoạch phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

3.2.4.1. Các mục tiêu

Công tác đảm bảo chất lượng đóng vai trò rất quan trọng trong một trường đại học. Chất lượng đào tạo của một cơ sở đào tạo đại học chỉ được khẳng định khi thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo. Mục tiêu chiến lược cụ thể của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục cụ thể:

- Thành lập phòng Kiểm định chất lượng và hệ thống kiểm định chất lượng trong toàn trường;

- Thực hiện kiểm định cơ sở đào tạo vào năm 2017;
- Đến năm 2020 có 100% môn học/học phần có ngân hàng đề thi, đáp án chất lượng. Tăng số lượng môn học/học phần thi bằng hình thức trắc nghiệm khách quan đạt 20% vào năm 2020. Tương ứng giảm số lượng môn học/ học phần thi bằng hình thức tự luận.

3.2.4.2. Các giải pháp

- Tách tổ Khảo thí - KĐCLGD từ phòng Đào tạo để thành lập Phòng Thanh tra - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng GD.

- Gắn liền hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục với hoạt động quản lý của nhà trường, từng bước hiện thực quản lý nhà trường theo bộ tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000.

- Đẩy mạnh vận hành công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường theo mô hình 2 cấp: cấp trường và cấp đơn vị trực thuộc.

- Định kỳ rà soát công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng và bổ sung minh chứng cho các hoạt động của nhà trường gắn với bộ tiêu chí đảm bảo chất lượng giáo dục để thực hiện mục tiêu kiểm định chất lượng đào tạo cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo như mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- Đầu tư kinh phí và huy động các khoa, đội ngũ giảng viên có trình độ cao biên soạn ngân hàng câu hỏi thi theo hướng tăng cường các học phần thi bằng hình thức trắc nghiệm.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, từng bước xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng trong nhà trường.

3.2.5. Kế hoạch xây dựng và quản lý cơ sở vật chất

3.2.5.1. Mục tiêu

Tập trung mọi nguồn lực về tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

Các mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện xây dựng theo Kế hoạch xây dựng Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn I, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể :

+ Đến năm 2016, hoàn thành hệ thống giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên, cây xanh trong diện tích của Kế hoạch giai đoạn I;

+ Năm 2017, quy hoạch xây dựng khu hoạt động thể chất; xây dựng công trường chính khang trang, hiện đại; đầu tư trang thiết bị giảng dạy và NCKH.

- Lập Kế hoạch xây dựng Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn II, 2016 - 2022 trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt và thực hiện xây dựng đúng tiến độ của Kế hoạch;

- Đến năm 2018, hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng và san lấp đất trên toàn diện tích của Dự án.

3.2.5.2. Các giải pháp thực hiện

- Xây dựng kế hoạch xây dựng cụ thể cho từng giai đoạn: Kế hoạch xây dựng giai đoạn II, 2016-2022;

- Cụ thể hoá kế hoạch xây dựng các hạng mục công trình của các kế hoạch giai đoạn 2 trong từng năm kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho từng giai đoạn, từng năm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Xây dựng kế hoạch huy động vốn, nguồn thu để đáp ứng kế hoạch tài chính cho từng giai đoạn.

3.2.6. Kế hoạch Kế hoạch - tài chính

3.2.6.1. Mục tiêu

Chuẩn bị nguồn lực tài chính đáp ứng các kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và các kế hoạch đầu tư trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các lĩnh vực khác.

4.2.6.2. Giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đề ra các giải pháp sau:

- Xây dựng Kế hoạch tài chính cụ thể, chi tiết, khả thi cho từng giai đoạn kế hoạch và cho từng năm tài chính;

- Trên cơ sở kế hoạch tài chính hàng năm và từng giai đoạn, thông qua Hội đồng quản trị để xây dựng kế hoạch huy động vốn và sử dụng các nguồn thu khác đáp ứng với kế hoạch tài chính;

- Mở rộng các nguồn thu, đặc biệt các nguồn thu từ học phí, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nguồn thu khác;

- Kết nạp thêm các cổ đông mới có tiềm năng;

- Huy động vốn có kế hoạch từ các cổ đông;

- Minh bạch trong tài chính, tuân thủ theo đúng phát luật về tài chính, thuế và các quy định khác của Nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

4.1. Tổ chức thực hiện

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của CB, nhân viên, giảng viên và học sinh sinh viên về vai trò và vị trí quan trọng của Kế hoạch trung hạn đối với sự phát triển của trường.

- Hội đồng quản trị, Hội đồng Khoa học - Đào tạo, Ban Giám hiệu và Chi bộ Đảng chỉ đạo các đơn vị trong Trường và các cá nhân cụ thể hóa thành "Kế hoạch trung hạn Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2016 - 2020" thành kế hoạch của các đơn vị và các cá nhân để từng bước triển khai thực hiện thắng lợi Kế hoạch đã xây dựng.

- Định kỳ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời các chỉ tiêu, biện pháp...cho phù hợp với thực tiễn.

4.2. Tổ chức giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và kịp thời điều chỉnh xây dựng kế hoạch hành động năm tiếp theo để phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường và phù hợp với thực tiễn của ngành giáo dục Việt Nam.

- Giao cho Phòng Tổng hợp là đơn vị theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch theo từng lộ trình đã xây dựng.

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 02 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS.TS. Nguyễn Đăng Bình